

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2024
V/v “tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Dũ.
- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Ngô Hoàng G**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: **Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Diễm T**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: **Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

(Anh **G** có mặt; chị **T** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Hoàng G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Diễm T tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2022. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 13/4/2022.

Sau khi kết hôn, do công việc nên chị T vẫn sống tại nhà mẹ ruột tại xã P, huyện T và anh G sống tại xã C, huyện C. Thời gian đầu không mâu thuẫn gì. Anh G vẫn thường xuyên chạy vào P để gặp chị T. Tuy nhiên, sau đó thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay, anh G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Diễm T.

- Về con chung: Giữa anh G và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia B, sinh ngày 05/9/2022. Hiện cháu B đang sống cùng chị T, khi ly hôn anh G đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu B 1.000.000 đồng/tháng, thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2024.

- Về tài sản chung: Anh G và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, tuy nhiên chị T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh P và cũng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Diễm T của anh Ngô Hoàng G.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung giữa anh G và chị T là cháu Ngô Hoàng Gia B, sinh ngày 05/9/2022 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị ghi nhận anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thực hiện từ ngày 10/6/2024 cho đến khi cháu Ngô Hoàng Gia B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 . Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Ngô Hoàng G yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Diễm T và yêu cầu giải quyết về con chung. Chị T có nơi cư trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2 . Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Hoàng G và chị Lê Thị Diễm T tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2022. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 13/4/2022. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh G trình bày, quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, anh chị cũng không sống chung một mái nhà nên giữa anh và chị T đã không còn tình cảm vợ chồng.

Chị T đã được thông báo việc anh G nộp đơn ly hôn, đã được thông báo các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản đối lại yêu cầu của anh G.

Tại phiên tòa hôm nay, anh G cương quyết ly hôn với chị T. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Diễm T của anh Ngô Hoàng G.

3 . Về con chung: Quá trình sống chung, anh G và chị T có 01 con chung là cháu Ngô Hoàng Gia B, sinh ngày 05/9/2022, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, anh G đồng ý tiếp tục giao cháu B cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu B đang sống ổn định cùng chị T, cuộc

sống cơ bản của cháu được đảm bảo nên cần thiết tiếp tục giao cháu **B** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh **G** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị **T** không có ý kiến gì đối với phần cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh **G** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu **Ngô Hoàng Gia B** mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 10/6/2024, thực hiện cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

4 . *Về tài sản chung*: Anh **G** trình bày tài sản chung do hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị **T** cũng không có ý kiến phản đối đối với trình bày của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5 . *Về nợ chung*: Anh **G** khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6 . *Về án phí*: Anh **G** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và **Đ** a Khoản 5 Điều 27 và chịu án phí dân sự sơ thẩm do có liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

7 . *Về quyền kháng cáo*: Anh **G** và chị **T** có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

8 . Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm a Khoản 5 và **Đ** a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Ngô Hoàng G**. Cho ly hôn giữa anh **Ngô Hoàng G** và chị **Lê Thị Diễm T**.

2. Về con chung: Giao một con chung giữa anh **Ngô Hoàng G** và chị **Lê Thị Diễm T** là cháu **Ngô Hoàng Gia B**, sinh ngày 05/9/2022 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **G** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh **Ngô Hoàng G** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu **Ngô Hoàng Gia B** với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/6/2024 cho đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày chị **Lê Thị Diễm T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Ngô Hoàng G** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu lãi trên số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Anh **Ngô Hoàng G** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003016 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, Buộc anh **Ngô Hoàng G** phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh **Ngô Hoàng G** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị **Lê Thị Diễm T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã Phước Lập;
- Các đương sự:
 - + Ngô Hoàng Giang;
 - + Lê Thị Diễm Trinh.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu

